

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN DŨNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 644/2015/QĐ-UBND

Yên Dũng, ngày 27 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn huyện Yên Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất tại văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương;

Căn cứ Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”;

Căn cứ Quyết định số 172/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 57/TTr-NV ngày 09 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Yên Dũng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN DŨNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Yên Dũng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 644/2015/QĐ-UBND ngày 27/11/2015
của Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và Quỹ thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Yên Dũng.

2. Những nội dung khác về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền làm công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện.

2. Công dân Việt Nam, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn huyện; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam có thành tích xuất sắc trong việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai;

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển;

c) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;

d) Kết hợp chặt chẽ giữa động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;

đ) Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng; chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác;

e) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo;

f) Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

3. Không thực hiện xét khen thưởng đối với các trường hợp sau đây:

a) Bị kỷ luật hoặc đang xem xét xử lý kỷ luật, đang thi hành kỷ luật;

b) Tổ chức kiêm nhiệm được thành lập trong một thời gian nhất định để tham mưu, tư vấn thực hiện nhiệm vụ (trừ trường hợp đặc biệt);

c) Nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống;

d) Khi tiến hành sơ, tổng kết việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật;

đ) Trong đại hội, hội nghị sơ kết, tổng kết của các cơ quan, đơn vị (trừ trường hợp đặc biệt).

e) Trong hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước cuối năm, Chủ tịch UBND huyện không khen thưởng các phòng, khoa, ban, tổ, đội... của các cơ quan, doanh nghiệp Trung ương, tỉnh đóng trên địa bàn.

4. Cấp nào phát động phong trào thi đua theo chuyên đề thì cấp đó khen thưởng. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua chuyên đề do cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể huyện; UBND các xã, thị trấn phát động có thời gian liên tục từ 03 (ba) năm trở lên và kế hoạch phát động thi đua phải được sự nhất trí của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện khi tổng kết đề nghị Chủ tịch UBND huyện xét tặng giấy khen.

5. Chỉ thực hiện xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi cơ quan, đơn vị hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc cơ quan, đơn vị được tặng Bằng khen của UBND tỉnh, cờ thi đua của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương. Tập thể, cá nhân không đề nghị khen 02 (hai) lần trong năm, trừ trường hợp đặc biệt.

6. Thời điểm đề nghị khen thưởng:

a) Khen thưởng Hội nghị thi đua yêu nước cấp huyện;

b) Khen thưởng tổng kết phong trào thi đua yêu nước hằng năm do UBND huyện phát động;

c) Khen thưởng tổng kết phong trào thi đua theo từng chuyên đề do UBND huyện phát động;

d) Khen thưởng đột xuất.

Chương II**DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA****Điều 4. Các danh hiệu thi đua**

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm:

- a) “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”;
- b) “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”;
- c) “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;
- d) “Lao động tiên tiến”.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

- a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- b) “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”;
- c) “Tập thể Lao động xuất sắc”;
- d) “Tập thể Lao động tiên tiến”;
- đ) “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (sau đây gọi chung là Cơ quan đạt chuẩn văn hóa);
- e) “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”;
- g) “Tiểu khu văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” (sau đây gọi chung là Khu dân cư văn hóa).

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

Điều 5. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng như sau:

a) Giao cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” hàng năm vào dịp tổng kết năm cho cán bộ, công chức, viên chức đạt tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;
- Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

b) Các trường hợp đặc biệt căn cứ vào Điều 5, Nghị định 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013.

2. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân đạt danh hiệu

“Lao động tiên tiến”. Tỷ lệ chiến sĩ thi đua cơ sở không vượt quá 15% tổng số lao động tiên tiến của cơ quan và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có sáng kiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị là người đầu tiên có trách nhiệm thẩm định tính mới, hiệu quả của các đề tài sáng kiến của cán bộ, công chức, viên chức; đề tài, sáng kiến thực hiện phải trong lĩnh vực chuyên môn của đơn vị;

c) Là người gương mẫu trong chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật. Công tác hiệu quả cao, nổi trội, được tập thể đơn vị suy tôn và được lãnh đạo quản lý đơn vị đề xuất.

d) Có đề tài, sáng kiến được Hội đồng Tư vấn Khoa học và Công nghệ, Hội đồng Sáng kiến huyện công nhận đạt yêu cầu.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 14 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP. Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” ngay sau khi đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét, đề nghị tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và đạt tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ (sau đây gọi chung là Thông tư số 07/2014/TT-BNV).

Điều 6. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng như sau:

Được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết phong trào thi đua yêu nước cấp huyện; tỷ lệ danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” không quá 40% tổng số đơn vị trong khối thi đua đang hưởng lương từ ngân sách cấp huyện quản lý, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể Lao động tiên tiến là tập thể được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao, có 100% cá nhân xếp loại thành nhiệm vụ theo đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả. Được khối bình xét, đề nghị;

c) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

d) Được ngành dọc, cấp trên trực tiếp xếp loại khá trở lên trong năm công nhận; năm đề nghị được công nhận là cơ quan văn hóa; chi bộ hoặc Đảng bộ xếp loại trong sạch vững mạnh.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng như sau:

Được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện xét và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận mỗi năm một lần vào dịp tổng kết phong trào thi đua yêu nước cấp tỉnh; tỷ lệ danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 20% tổng số cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn đang hưởng lương từ ngân sách cấp huyện quản lý, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể lao động xuất sắc là tập thể tiêu biểu, lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”;

b) Là tập thể có nhiều sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với nhà nước;

c) Có phong trào thi đua yêu nước thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có nhân tố mới, mô hình mới để các đơn vị học tập;

d) Có 100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

đ) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

3. Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Khu dân cư văn hóa”, “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” được xét tặng như sau:

a) Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Khu dân cư văn hóa” được xét tặng hàng năm cho các đối tượng theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương (sau đây gọi chung là Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL);

b) Danh hiệu “Cơ quan đạt chuẩn văn hoá” được xét tặng hàng năm cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (sau đây gọi chung là Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL);

c) Danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” được xét tặng hàng năm cho các xã theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” (sau đây gọi chung là Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL);

d) Danh hiệu “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” được xét tặng hàng năm cho các thị trấn theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (sau đây gọi chung là Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL).

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng như sau:

“Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm hoặc chuyên đề đối với tập thể đạt tiêu chuẩn:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được Huyện uỷ, UBND huyện giao trong năm;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các xã, thị trấn học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội; Đảng bộ được xếp loại trong sạch vững mạnh; tỷ lệ làng văn hóa, cơ quan văn hóa chiếm tỷ lệ lớn trên tổng số của đơn vị;

d) Người đứng đầu được Chủ tịch UBND huyện xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

đ) Được các thành viên trong khối thi đua chấm điểm, bình xét, suy tôn; được Thường trực UBND, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện nhất trí thông qua.

5. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét, đề nghị tặng như sau:

a) Cờ thi đua của Chính phủ được xét, đề nghị tặng hàng năm hoặc chuyên đề cho các tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP;

b) “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét chọn trong số những tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất đã được xét tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Chương III **HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

Điều 7. Giấy khen

Giấy khen được xét tặng cho các tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất. Giấy khen tặng cho gia đình thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

1. Đối với cá nhân

a) Số lượng:

- Đối với Hội nghị thi đua yêu nước cấp huyện, hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước hàng năm. Giao Hội đồng Thi đua-Khen thưởng huyện hướng dẫn, bình xét;

- Khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất lựa chọn các cá nhân tiêu biểu nhất.

b) Tiêu chuẩn:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có nhiều sáng kiến, giải pháp trong lao động, sản xuất;
- Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;
- Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh; được cơ quan, địa phương bình bầu đề nghị;
- Tạo được nhiều việc làm và giải quyết được nhiều lao động địa phương; có mô hình kinh tế cho thu nhập cao nhiều năm liền.

2. Đối với tập thể

a) Số lượng:

- Đối với Hội nghị thi đua yêu nước cấp huyện, hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước hằng năm. Giao Hội đồng Thi đua-Khen thưởng huyện hướng dẫn, bình xét;
- Khen thưởng theo chuyên đề, đợt xuất lựa chọn các tập thể tiêu biểu nhất.

b) Tiêu chuẩn:

- Hoàn thành thành tốt nhiệm vụ được giao; người đứng đầu xếp loại xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; năm đề nghị khen được công nhận là cơ quan văn hóa; chi bộ hoặc Đảng bộ xếp loại trong sạch vững mạnh;
- Chăm lo đời sống vật chất tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;
- Đơn vị thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chính sách của Đảng và nhà nước, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể;
- Đối với cơ quan, có 100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; không có cán bộ, công chức, viên chức bị hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên.

Điều 8. Bằng khen

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh được xét tặng cho các tập thể, cá nhân vào dịp tổng kết năm, đợt xuất, chuyên đề theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng tỉnh và quy định tại Điều 72 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Điều 24 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

1. Đối với cá nhân

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân và có ít nhất 2 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân trong đó 01 năm có Giấy khen của Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện; Giấy

khen, Bằng khen của ngành dọc cấp trên và 01 năm là “Chiến sĩ thi đua cơ sở” (tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng);

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Đối với tập thể

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và có ít nhất 02 năm liên tục” (tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng) đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”; người đứng đầu hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ được giao;

b) Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;

c) Bảo đảm đời sống vật chất tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;

d) Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể;

đ) Tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh được xét tặng vào đợt tổng kết năm, đợt xuất, chuyên đề hoặc theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, tỉnh.

Điều 9. Các hình thức khen thưởng khác

Việc xét, đề nghị tặng thưởng các loại Huân chương, Huy chương các hạng, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỬ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 10. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 79, Điều 80 của Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất; điểm a, Khoản 2, Điều 26 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP; Điều 3 Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL; Điều 3 Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL; Điều 3 Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL.

Điều 11. Thẩm quyền trao tặng khen thưởng

1. Người có thẩm quyền quyết định hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng hình thức khen thưởng đó.

Chủ tịch UBND huyện ủy quyền cho Chủ tịch UBND xã, thị trấn tổ chức trao tặng khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong trường hợp UBND huyện không tổ

chức lễ trao tặng. Việc tổ chức trao tặng bảo đảm trang trọng, tiết kiệm, phù hợp với tình hình của địa phương và có ý nghĩa giáo dục, tuyên truyền nêu gương học tập.

2. Nghi thức công bố, trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

Điều 12. Quy định về thủ tục trình khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2012/NĐ-CP) và Khoản 1, 2, 4 Điều 20 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

2. Trường hợp khen thưởng đột xuất gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, gương người tốt, việc tốt trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Chủ tịch UBND huyện chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ khen thưởng trình Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đúng quy định.

Điều 13. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, thị trấn do Chủ tịch UBND xã, thị trấn thành lập. Căn cứ tình hình thực tế bố trí số lượng thành viên Hội đồng cho phù hợp. Chủ tịch UBND xã, thị trấn là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo UBND xã, thị trấn hoặc cán bộ, công chức phụ trách công tác thi đua, khen thưởng; các thành viên khác là người đứng đầu các tổ chức đảng, đoàn thể và một số lĩnh vực chuyên môn thuộc UBND xã, thị trấn.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bỏ phiếu kín khi xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Tỷ lệ phiếu bầu đạt từ 90% trở lên (tính trên tổng số thành viên Hội đồng) đối với danh hiệu: “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”; 70% trở lên (tính trên tổng số thành viên Hội đồng) đối với các trường hợp đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng và “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; trên 50%, (tính trên tổng số thành viên Hội đồng) khi xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng còn lại.

Điều 14. Hội đồng khoa học và công nghệ

Hội đồng Tư vấn Khoa học và Công nghệ huyện được thành lập để giúp UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh

hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” hàng năm.

Điều 15. Trình tự, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Trình tự xét tặng được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch UBND huyện có tờ trình (kèm theo hồ sơ) gửi Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị khen thưởng qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng).

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Phòng Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện) thẩm định hồ sơ khen thưởng, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện theo quy định và trình Chủ tịch UBND huyện đối với các hồ sơ đủ điều kiện.

2. Hồ sơ: 02 bộ, mỗi bộ hồ sơ gồm có:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng (mẫu báo cáo thành tích thực hiện theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, riêng về thời gian báo cáo thành tích quy định đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP);

c) Biên bản của khối thi đua cấp trình khen hoặc biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen;

d) Ý kiến xác nhận của Hội đồng Tư vấn Khoa học và Công nghệ của huyện. Trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận hoặc bản phô tô và mang kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh).

Điều 16. Trình tự, hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng

1. Trình tự xét, đề nghị khen thưởng được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch UBND huyện có tờ trình (kèm theo hồ sơ) gửi Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng);

b) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, phòng Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện) thẩm định, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện và trình Chủ tịch UBND huyện đối với các hồ sơ đủ điều kiện;

2. Hồ sơ: 03 bộ hồ sơ đối với trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng; 04 bộ hồ sơ đối với trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng. Thành

phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

3. Hồ sơ phải có ý kiến xác nhận của Huyện ủy, UBND huyện trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng).

Điều 17. Trình tự, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và Giấy khen

1. Trình tự xét tặng được thực hiện như sau:

a) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, thị trấn hoặc người phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổng hợp, thẩm định thành tích để báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc đối với các hồ sơ đủ điều kiện;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện họp xét khen thưởng, cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện tổng hợp trình Chủ tịch UBND huyện quyết định khen thưởng đảm bảo theo quy định.

2. Hồ sơ: 01 bộ, thành phần hồ sơ gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;

d) Ý kiến xác nhận của Hội đồng Tư vấn Khoa học và Công nghệ huyện, Hội đồng sáng kiến huyện. Trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận hoặc bản phô tô và kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở).

Điều 18. Đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

Những trường hợp đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 85 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

1. Trình tự xét, đề nghị khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 15, Khoản 1 Điều 16 và Khoản 1 Điều 17 của Quy định này.

2. Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 15, Khoản 2 Điều 16 và Khoản 2 Điều 17 của Quy định này.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 19. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa”, “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”

1. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL.

2. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL.

3. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL.

4. Trình tự, hồ sơ công nhận danh “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL.

Điều 20. Thông báo kết quả và lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Thông báo kết quả khen thưởng

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, Phòng Nội vụ phải thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết. Đối với tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn được khen thưởng, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc (kể từ khi cấp có thẩm quyền quyết định), Phòng Nội vụ phải thông báo cho đơn vị trình khen thưởng được biết.

2. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, thị trấn có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền để thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết khiếu nại của công dân. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về công tác lưu trữ.

Chương V
QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 21. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Thông tư số 71/2011/TT-BTC).

Điều 22. Cách tính và mức thưởng

1. Theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Quyết định số 172/2015/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Căn cứ vào điều kiện thực tế của huyện, ngoài các hình thức, mức thưởng theo quy định, UBND huyện có hướng dẫn khen thưởng cụ thể đối với một số lĩnh vực đặc thù.

Điều 23. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Điều 4, Điều 5 Thông tư 71/2011/TT-BTC và Điều 24 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện do Phòng Nội vụ giúp Chủ tịch UBND huyện quản lý, sử dụng. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã, thị trấn do Chủ tịch UBND cấp xã, thị trấn quản lý, sử dụng.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp nào ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua khen thưởng do cấp mình quản lý.

4. Khen thưởng theo chuyên đề, các chương trình, mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí sự nghiệp hoạt động của chương trình, mục tiêu. Trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không quy định trích thưởng thì mới chi thưởng từ Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị chủ trì thực hiện chương trình, mục tiêu đó.

UBND huyện trích Quỹ thi đua, khen thưởng để khen thưởng cho tập thể, cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, gương người tốt, việc tốt, các gương điển hình trong phong trào thi đua, phong trào quần chúng. Chủ tịch UBND huyện quyết định mức thưởng đối với từng trường hợp cụ thể.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 24. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy chế này. Phòng Nội vụ giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Đề nghị Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, lực lượng vũ trang, đơn vị Trung ương, đơn vị của tỉnh đóng trên địa bàn huyện căn cứ Quy chế này và các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của các Bộ, ngành Trung ương; của các Sở, ban, ngành tỉnh để thực hiện.

Điều 25. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Phòng Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND huyện bổ sung, sửa đổi theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Dũng